

CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO
Mã số: 52220343

1. Tên ngành đào tạo: Quản lý Thể dục thể thao

Tên tiếng Anh: Sport Management

2. Trình độ đào tạo: Đại học hệ chính quy

Hình thức đào tạo: Học chế tín chỉ

3. Yêu cầu về kiến thức:

3.1. Kiến thức chung:

3.1.1. Kiến thức về khoa học xã hội:

- Nắm được những vấn đề cơ bản về Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê Nin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Hiểu và cập nhật được các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính trị, quốc phòng, kinh tế, văn hoá - xã hội cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong từng giai đoạn.

- Hiểu biết căn bản về thực trạng và xu hướng thay đổi của hoạt động kinh tế liên quan đến quản lý Thể dục thể thao trong nước và quốc tế.

3.1.2. Kiến thức về khoa học tự nhiên:

Nắm được các kiến thức cơ bản của lĩnh vực khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ.

3.2. Kiến thức ngành:

3.2.1. Kiến thức cơ sở ngành:

Am hiểu các kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, quản lý nhà nước và quản lý Thể dục thể thao. Nắm vững các nội dung về pháp luật liên quan tới hoạt động quản lý các tổ chức xã hội – nghề nghiệp về Thể dục thể thao. Hiểu biết và ứng dụng các nguyên tắc, phương pháp quản lý trong công tác quản lý theo từng lĩnh vực cụ thể.

Có kiến thức cơ bản về thể dục thể thao cho mọi người, giáo dục thể chất và thể thao trường học, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

3.2.2. Kiến thức chuyên ngành:

Nắm vững nội dung, phương pháp xây dựng các loại chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án Thể dục thể thao.

Nắm được nội dung, quy trình, phương pháp quản lý trong các lĩnh vực thể dục thể thao quần chúng và thể thao trường học; thể thao thành tích cao; thể thao giải trí; kinh tế Thể dục thể thao; quản lý cơ sở vật chất Thể dục thể thao,

Lập kế hoạch, tổ chức và quản lý các hoạt động, dịch vụ Thể dục thể thao.

3.3. Kiến thức quy định đầu ra.

- Yêu cầu trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh): Sinh viên phải đạt được một trong các tiêu chí sau để được cấp văn bằng tốt nghiệp.

+ Chứng chỉ A2 khung tham chiếu châu Âu, hoặc;

+ Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế ở mức tương đương.

- Yêu cầu trình độ tin học: Chứng chỉ tin học cơ bản.

4. Yêu cầu về kỹ năng:

4.1 Kỹ năng cứng:

- Có kỹ năng vận dụng kiến thức khoa học quản lý chung và quản lý thể dục thể thao: biết hoạch định, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý, kiểm tra...;

- Có kỹ năng tư vấn và phát triển thể dục thể thao trong xã hội;

- Có các kỹ năng nghiên cứu khoa học; tổ chức hoạt động thể dục thể thao ở địa phương, cơ sở; giảng dạy các môn học thuộc ngành quản lý quản lý thể dục thể thao và giảng dạy các môn thể thao cơ bản trong hệ thống chương trình giáo dục.

- Vận dụng và triển khai được những kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn cơ bản về quản lý (quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý sân bãi dụng cụ, ...).

- Có khả năng tổ chức và điều hành hoạt động của các câu lạc bộ thể thao, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ thể dục thể thao.

4.2. Kỹ năng mềm:

- Có khả năng làm việc độc lập và khả năng thuyết trình.

- Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả; biết cách tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề về thể dục thể thao; xây dựng kế hoạch và tổ chức các hội thao, đại hội thể dục thể thao cấp cơ sở...

- Có kỹ năng trong giao tiếp, trao đổi và giải quyết các công việc trong hoạt động quản lý thể dục thể thao.

- Biết kết hợp và vận dụng linh hoạt giữa kỹ năng “cứng” và kỹ năng “mềm” trong giải quyết công việc.

5. Yêu cầu về thái độ:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là đường lối của Đảng trong lĩnh vực Thể dục thể thao.

- Có tính tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao với công việc.

- Có ý thức tổ chức, kỷ luật; chấp hành tốt các quy định của nhà nước.

- Có tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài cơ quan.

6. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp đại học, người học có khả năng làm việc trong các cơ quan, tổ chức quản lý về thể dục thể thao ở các cấp và các ban, ngành; Các tổ chức xã hội nghề nghiệp, hiệp hội và các câu lạc bộ về thể dục thể thao; Các doanh nghiệp kinh doanh, sản xuất, dịch vụ về thể dục thể thao; Các cơ sở giáo dục - đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) thuộc đúng ngành hoặc học chuyên đổi một số học phần để học ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường.

8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.

Chương trình, tài liệu của các Trường Đại học Thể dục thể thao Vũ Hán (Trung Quốc), Hiệp hội quản lý thể thao Úc và Niu Dilon.

